

Số: 295.1/CV-CN

Sơn La, ngày 22 tháng 04 năm 2024

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý công ty

Công ty cổ phần cấp nước Sơn La đang tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu “Gói thầu số 3: Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị” cho Dự án “Tuyến ống truyền tải nước sạch HDPE DN225mm từ Nhà máy nước Mai Sơn đến trạm bơm 19/5, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La” theo hình thức chào giá cạnh tranh.

Nội dung yêu cầu:

Hồ sơ chào giá gồm 2 phần: Kỹ thuật và Tài chính. Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được xem xét tài chính, qua đó Chủ đầu tư sẽ lựa chọn Nhà thầu đáp ứng tốt nhất các yêu cầu (kỹ thuật và tài chính được nhà thầu gửi tới bên mời chào giá tại cùng thời điểm).

Các nhà thầu trong quá trình chào giá muốn làm rõ các vấn đề về hồ sơ chào giá đề nghị liên lạc với Chủ đầu tư (Đồng chí: Nguyễn Văn Bá – Phó tổng giám đốc Công ty).

Các vấn đề về bổ sung, hiệu chỉnh, Chủ đầu tư chỉ làm việc với Nhà thầu trúng giá để xem xét, quyết định.

1. Yêu cầu về kỹ thuật

- Số năm kinh nghiệm thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp nước) được thể hiện trong giấy phép đăng ký doanh nghiệp ≥ 03 năm;
- Số lượng tối thiểu các hợp đồng tương tự ≥ 2 hợp đồng trong vòng 03 năm trở lại đây;
- Cán bộ kỹ thuật của nhà thầu làm việc tại công trường (≥ 3 người): có bằng cấp, chứng chỉ đào tạo chuyên ngành phù hợp, có hợp đồng lao động hoặc yêu cầu khác nếu chủ đầu tư cần làm rõ;
- Nhà thầu phải lập biện pháp thi công xây dựng, biện pháp an toàn lao động và vệ sinh môi trường ... phù hợp với gói thầu.
- Nhà thầu phải có bảng kê số lượng, chủng loại máy móc thiết bị phù hợp đưa vào thực hiện gói thầu;
- Yêu cầu tiến độ: tiến độ thực hiện 120 ngày (bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ)

2. Yêu cầu về giá

- Giá chào của nhà thầu phải bao gồm đầy đủ các chi phí để thực hiện công việc theo Hồ sơ thiết kế và dự toán được phê duyệt
- Bảng chào giá của các nhà thầu phải tuân thủ theo bảng khối lượng mời chào giá đính kèm theo thư chào giá.

PHỤ LỤC: PHẠM VI CÔNG VIỆC

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
	Đào đường + bê tông:		
1	Cắt mặt đường bê tông Asphan chiều dày lớp cắt $\leq 7\text{cm}$	100m	86.0
2	Tháo dỡ cầu kiện bê tông đúc sẵn bằng máy, trọng lượng cầu kiện $\leq 2\text{T}$	cầu kiện	3,000.0
3	Phá dỡ kết cấu bê tông bằng máy đào 1,25m ³ gắn đầu búa thủy lực	m ³	396.0
4	Phá dỡ kết cấu bê tông không cốt thép bằng máy khoan cầm tay	m ³	15.0
5	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông nền, đá 1x2, mác 200, PCB30	m ³	411.0
6	Vận chuyển vật liệu Đổ bê tông	m ³	411.0
7	Lắp đặt Bó vỉa hè bị hỏng, đường bằng tấm bê tông đúc sẵn, bó vỉa thẳng 18x33x100cm, vữa XM PCB30 mác 75 - Kích thước hoàn trả tương đương nguyên trạng	m	1,500.0
8	Lắp lại phần bó vỉa hè đã tháo dỡ, đường bằng tấm bê tông đúc sẵn, bó vỉa thẳng 18x33x100cm, vữa XM PCB30 mác 75 - Kích thước hoàn trả tương đương nguyên trạng	m	1,500.0
	Đào mương đặt đường ống:		
9	Đào kênh mương, rãnh thoát nước, đường ống, đường cáp bằng thủ công, rộng $\leq 1\text{m}$, sâu $\leq 1\text{m}$, đất cấp III	m ³	55.0
10	Đào kênh mương, chiều rộng $\leq 6\text{m}$, máy đào 0,4m ³ , đất cấp III	100m ³	17.8770
11	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu $K=0,95$	100m ³	15.6656
12	Đào xúc đất bằng thủ công, đất cấp II	m ³	15.0
13	Đào xúc đất bằng máy đào 1,25m ³ , đất cấp II	100m ³	7.3724
14	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5 tấn trong phạm vi $\leq 1000\text{m}$, đất cấp III	100m ³	7.5224
	Lắp đặt tuyến ống:		
	Đầu nối nhà máy:		
15	Phá dỡ + Lát lại gạch sân, nền đường, vỉa hè bằng gạch lá dừa, vữa XM PCB30 mác 75 ($K_{nc}=1.6$)	m ²	32.0
16	Lắp đặt van mặt bích, đường kính van 200mm	cái	1.0

17	Lắp đặt cút thép nối bằng phương pháp hàn, đường kính cút 200mm	cái	3.0
18	Lắp đặt ống thép đen bằng phương pháp hàn, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 200mm	100m	0.10
19	Lắp bích thép, đường kính ống 200mm	cặp bích	1.50
20	Lắp đặt côn thép nối bằng phương pháp hàn, đường kính côn 200-150mm	cái	2.0
21	Lắp đặt ống thép đen bằng phương pháp hàn, đoạn ống BU =1.5m, đường kính ống 150mm	100m	0.0150
22	Lắp bích thép, đường kính ống 150mm	cặp bích	1.50
23	Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng, quy cách đồng hồ $\leq 200\text{mm}$	cái	1.0
24	Lắp đặt van 1 chiều, đường kính van 150mm	cái	1.0
25	Lắp đặt BE đường kính 225mm	cái	1.0
	Tuyến ống:		
26	Lắp đặt ống nhựa HDPE phương pháp hàn gia nhiệt, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 225mm chiều dày 13,4mm	100m	66.920
27	Lắp đặt ống thép đen bằng phương pháp hàn, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 200mm	100m	0.30
28	Hàn nối bích nhựa HDPE, đường kính 225mm, chiều dày 13,4 mm	bộ	12.0
29	Lắp bích thép, đường kính ống 200mm	cặp bích	6.0
30	Lắp đặt cút nhựa nối bằng phương pháp hàn, đường kính cút 200mm	cái	9.0
	Xả khí:		
31	Lắp đai khởi thủy đường kính ống 225-50mm	cái	4.0
32	Lắp đặt măng sông ren ngoài nhựa HDPE, đường kính măng sông 50mm	cái	4.0
33	Lắp đặt van xả khí, đường kính van 50mm	cái	5.0
34	Hộp bảo vệ van xả khí	0	2.0
	Đầu nối Hồ van trạm tăng áp (điểm 60):		
35	Tháo dỡ + Lắp đặt cút thép nối bằng phương pháp hàn, đường kính cút 150mm (Knc=1.6)	cái	4.0
36	Tháo dỡ + Lắp lại bích thép, đường kính ống 150mm (Knc=1.6)	cặp bích	2.0
37	Lắp đặt ống thép đen bằng phương pháp hàn, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 150mm	100m	0.010
38	Lắp đặt tê thép nối bằng phương pháp hàn, đường kính tê 200-150mm (K=1.5)	cái	2.0
39	Hàn nối bích nhựa HDPE, đường kính 225mm, chiều dày 13,4 mm	bộ	2.0

40	Lắp bích thép ống thép, đường kính ống 200mm	cặp bích	2.0
41	Lắp bích thép ống nhựa, đường kính ống 200mm	cặp bích	1.0
42	Lắp bích thép đặc, đường kính ống 200mm	cặp bích	1.0
43	Lắp bích thép, đường kính ống 150mm	cặp bích	1.0
	Hố van chặn dọc tuyến:		
44	Hàn nối bích nhựa HDPE, đường kính 225mm, chiều dày 13,4 mm	bộ	1.0
45	Lắp đặt van mặt bích, đường kính van 200mm	cái	1.0
46	Lắp đặt BE đường kính 225mm	cái	1.0
	Nước thải:		
47	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 90mm	100m	3.7220
	Thủ áp lực:		
48	Công tác khử trùng ống nước, đường kính ống 250mm	100m	67.220
49	Thủ áp lực đường ống nhựa, đường kính ống 250mm	100m	67.220
50	Nước thủ áp:	m3	267.1365
	vận chuyển vật tư:		
51	Chuyển xe chở vật tư	ca	5.0
	Xây, lắp hố van: Nhà máy+Trên tuyến		
52	Đào móng cột, trụ, hố kiểm tra bằng thủ công, rộng > 1m, sâu ≤ 1m, đất cấp III	m3	10.7464
53	Láng nền sàn không đánh mẫu, dày 3cm, vữa XM PCB30 mác 50	m2	5.9196
54	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây hố ga, hố van, vữa XM PCB30, cát mịn 1,5-2, mác 75	m3	4.3349
55	Trát tường trong, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM PCB30 mác 75	m2	19.2660
56	Công tác gia công, lắp đặt cốt thép bê tông đúc sẵn. Cốt thép tấm đan, hàng rào, cửa sổ, lá chớp, nan hoa, con sơn	tấn	0.0706
57	Công tác gia công, lắp đặt cốt thép bê tông đúc sẵn. Cốt thép tấm đan, hàng rào, cửa sổ, lá chớp, nan hoa, con sơn	tấn	0.3144
58	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lạnh tô, mái hắt, máng nước, tấm đan, ô văng, đá 1x2, mác 250	m3	0.5210

59	Lắp các loại cầu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng <= 100kg	1 cầu kiện	8.0
60	Đào xúc đất bằng thủ công, đất cấp III	m3	10.7464
61	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5 tấn trong phạm vi <= 1000m, đất cấp III	100m3	0.1075
	An toàn giao thông		
62	Mua cọc tre để làm hàng rào tạm thi công	cái	3,551.0
63	Băng cảnh báo làm hàng rào tạm	m	27,872.0
64	Mua đèn báo tín hiệu (Tạm tính mua cho 2 phân đoạn sau đó luân chuyển)	cái	106.0
65	Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công - sản xuất bằng máy trộn. Bê tông chân hàng rào, đá 1x2, mác 150	m3	0.4240
66	Công tác gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn. Ván khuôn gỗ, ván khuôn trụ bê tông chân hàng rào	100m2	0.0848
67	Lắp các loại cầu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng <= 25kg	1 cầu kiện	1,775.50